

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/DS-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Hữu Bình;
- Ông Hồ Đức Minh.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 571/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Hồng G, sinh năm 1990. HKTT: Ấp C1, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987 và ông Đoàn Duy C, sinh năm 1983. Cùng HKTT: Ấp C2, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Thạch Hồng N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường M1, thị xã C1, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn (bà Thạch Thị Hồng G) trình bày:

Bà G với bà D là chị em ngoài xã hội quen biết với nhau từ lâu. Đến năm 2022, bà G bắt đầu tham gia chơi hụi do bà D làm chủ hụi đến nay. Năm 2023, bà G có cho bà D và ông C vay số tiền 400.000.000 đồng để làm ăn theo giấy cho mượn tiền đề ngày 17/8/2023, thời hạn vay đến 17/01/2024, giấy cho mượn tiền có chữ ký viết họ tên của vợ chồng bà D, ông C.

Bà G có tham gia chơi của bà D các dây hụi theo các giấy đóng hụi bà G đã cung cấp cho Toà án và việc đóng hụi được thực hiện qua chuyển khoản ngân hàng. Cụ thể như sau:

Trước đây bà G có tham gia các dây hụi của bà D, trong quá trình chơi hụi bà G đóng tiền hụi cho bà D bằng hình thức chuyển khoản, từ tài khoản ngân hàng của chị bà G là Thạch Hồng N, số tài khoản: 8007077, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu (ACB) đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Mỹ D, số tài khoản 5504205078826, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) cụ thể từng dây hụi như sau:

1. Đối với dây hụi thứ nhất khai vào ngày 15/01/2022, dây hụi này gồm 21 phần (21 người chơi), dây hụi 2.000.000 đồng/01 phần/tháng. Bà G chơi 4 phần, bà G đã đóng (20 kỳ) x (4 phần) tiền hụi sống cho bà D với số tiền là: (2.000.000 đồng) x (4 phần) x (20 kỳ) = 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Các lần chuyển tiền hụi cho bà D như sau:

STT	Ngày chuyển	Số tiền
1	15/01/2023	20.500.000 đồng
2	15/02/2023	20.500.000 đồng
3	16/03/2023	19.500.000 đồng
4	16/04/2023	19.650.000 đồng
5	15/05/2023	18.000.000 đồng
6	15/06/2023	20.000.000 đồng
7	16/07/2023	20.000.000 đồng
8	15/08/2023	20.000.000 đồng
9	16/09/2023	11.000.000 đồng
10	16/10/2023	9.700.000 đồng
11	18/12/2023	4.000.000 đồng
12	15/01/2024	4.000.000 đồng
13	15/02/2024	4.000.000 đồng
14	16/02/2024	10.500.000 đồng

15	15/03/2024	4.000.000 đồng
16	15/04/2024	4.000.000 đồng

- Đối với dây hụi thứ hai khai vào ngày 31/01/2023, dây hụi này gồm 21 phần (21 người chơi), dây hụi 1.000.000 đồng/01 phần/tháng. Bà G chơi 1 phần, bà G đã đóng 18 kỳ tiền hụi sống cho bà D với số tiền là: $(1.000.000 \text{ đồng}) \times (18 \text{ kỳ}) = 18.000.000 \text{ đồng}$ (mười tám triệu đồng). Các lần chuyển tiền hụi cho bà D như sau:

STT	Ngày chuyển	Số tiền
1	01/01/2023	2.100.000 đồng
2	30/03/2023	1.500.000 đồng
3	01/05/2023	1.500.000 đồng
4	02/06/2023	1.500.000 đồng
5	01/07/2023	1.500.000 đồng
6	01/10/2023	1.500.000 đồng
7	31/10/2023	1.500.000 đồng
8	01/03/2024	1.750.000 đồng
9	01/04/2024	1.750.000 đồng
10	01/07/2024	1.640.000 đồng

- Đối với dây hụi thứ ba khai vào ngày 10/07/2023, dây hụi này gồm 25 phần (25 người chơi), dây hụi 2.000.000 đồng/01 phần/15 ngày. Bà G chơi 4 phần, bà G đã đóng $(24 \text{ kỳ}) \times (4 \text{ phần})$ tiền hụi sống cho bà D với số tiền là: $(2.000.000 \text{ đồng}) \times (4 \text{ phần}) \times (24 \text{ kỳ}) = 192.000.000 \text{ đồng}$ (Một trăm chín mươi hai triệu đồng). Các lần chuyển tiền hụi cho bà D như sau:

STT	Ngày chuyển	Số tiền
1	10/01/2023	9.600.000 đồng
2	26/01/2023	9.600.000 đồng
3	10/02/2023	9.600.000 đồng
4	25/02/2023	4.000.000 đồng
5	28/02/2023	1.600.000 đồng
6	10/03/2023	9.600.000 đồng

7	25/03/2023	4.300.000 đồng
8	11/04/2023	9.300.000 đồng
9	26/04/2023	3.820.000 đồng
10	11/05/2023	8.880.000 đồng
11	25/05/2023	4.000.000 đồng
12	25/06/2023	5.800.000 đồng
13	25/07/2023	6.900.000 đồng
14	01/08/2023	1.500.000 đồng
15	08/10/2023	11.550.000 đồng
16	27/08/2023	6.200.000 đồng
17	11/09/2023	11.200.000 đồng
18	25/09/2023	6.200.000 đồng
19	10/10/2023	8.000.000 đồng
20	10/10/2023	3.200.000 đồng
21	25/10/2023	6.200.000 đồng
22	11/11/2023	11.200.000 đồng
23	25/11/2023	6.200.000 đồng
24	10/12/2023	10.060.000 đồng
25	25/12/2023	5.500.000 đồng
26	10/01/2024	10.850.000 đồng
27	26/01/2024	5.500.000 đồng
28	27/02/2024	5.500.000 đồng
29	11/03/2024	11.200.000 đồng
30	26/03/2024	5.850.000 đồng
31	10/04/2024	10.500.000 đồng
32	30/05/2024	8.300.000 đồng
33	11/06/2024	11.170.000 đồng
34	25/06/2024	6.600.000 đồng

Tổng số tiền bà G đã chuyển cho bà D là 475.070.000 đồng, trong đó số tiền 340.500.000 đồng là tiền bà G đóng 03 dây hụi như đã trình bày tại đơn khởi kiện, số tiền còn lại 134.570.000 đồng là tiền bà G đóng hụi chết cho bà D.

Do bà D và ông C cứ hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện việc trả tiền

vay cũng như giao tiền hui cho bà G, lại cố tình trốn tránh bà G nên bà G phải khởi kiện ra Tòa án.

Theo đơn khởi kiện tháng 7/2024, bà G yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C phải trả cho bà G tổng số tiền vay và hui còn nợ là 740.500.000 đồng (gồm: 400.000.000 đồng tiền vay và 340.500.000 đồng tiền hui).

Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu phải trả cho bà G tổng số tiền vay và hui còn nợ là 740.500.000 đồng. Riêng ông C, bà G chỉ yêu cầu ông C có trách nhiệm liên đới với bà D thanh toán cho bà G số tiền vay là 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà D, ông C trong quá trình tố tụng đã được Tòa án thực hiện thủ tục triệu tập và cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà D, ông C vắng mặt không có lý do.

Theo biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt và quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Thạch Hồng N) trình bày:

Bà G là em ruột của bà Nhung. Còn bà D với ông C là vợ chồng, bà Nhung chỉ biết bà D, ông C là bạn của bà G. Giữa bà Nhung với bà G, bà D hay ông C không có quan hệ giao dịch qua lại gì. Bà Nhung chỉ đóng hui dùm cho em bà Nhung (Gám) theo yêu cầu của em bà Nhung vì em bà Nhung có chơi hui do bà D làm chủ hui. Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 6/2024 bà Nhung đã chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Mỹ D từ số tài khoản của bà Nhung là 8007077 của bà Nhung tại ngân hàng Á Châu (ACB) đến số tài khoản của bà D là 5504205078826 tại Ngân hàng Agribank của bà Nguyễn Thị Mỹ D theo như sao kê đã cung cấp. Bà Nhung xác định số tiền này là tiền của bà G nhờ bà Nhung chuyển cho bà D đóng hui (bà G đưa tiền mặt để nhờ bà Nhung chuyển khoản cho bà D). Bà Nhung không có ý kiến hay yêu cầu khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà G có mặt, bị đơn bà D, ông C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà G yêu cầu bị đơn bà D, ông C phải thanh toán tổng số tiền vay và hui còn nợ là 740.500.000 đồng (gồm: 400.000.000 đồng tiền vay và 340.500.000 đồng tiền hui). Bà D, ông C hiện đang cư trú tại ấp Cần Đôn, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui. Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc yêu cầu phải trả cho bà G tổng số tiền vay và hui còn nợ là 740.500.000 đồng. Riêng ông C, bà G chỉ yêu cầu ông C có trách nhiệm liên đới với bà D thanh toán cho bà G số tiền vay là 400.000.000 đồng. Việc nguyên đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện là trong phạm vi khởi kiện ban đầu, không phát sinh yêu cầu khởi kiện mới phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà G yêu cầu bà D, ông C thanh toán tổng số tiền vay 400.000.000 đồng, yêu cầu bà D phải thanh toán tiền hui là 340.500.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 17/8/2023 có nội dung ghi nhận bà D, ông C có mượn của bà G số tiền 400.000.000 đồng, bà D, ông C có ký tên, ghi rõ họ tên trên giấy nợ, cùng với các hình chụp giấy hui và sao kê chuyển khoản từ số tài khoản: 8007077 của bà Thạch Hồng N tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Mỹ D, số tài khoản 5504205078826, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với nội dung chuyển tiền hui. Nguyên đơn xác định bị đơn chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Bị đơn bà D, ông C có hộ khẩu thường trú và vẫn còn sinh sống tại địa phương, đã được Tòa án niêm yết bản sao giấy cho vay tiền, giấy hui, sao kê cũng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng khác tại nhà bà D, ông C để bà D, ông C để tham gia tố tụng nhưng bà D, ông C đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối nội dung nguyên đơn tranh chấp với bị đơn.

Xét giấy mượn tiền đề ngày ngày 17/8/2023, có cơ sở xác định: Giữa bà G và bà D, ông C đã thiết lập quan hệ vay tài sản, bà G là bên cho vay, còn bà

D, ông C là bên vay, số tiền vay là 400.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, bà G đã thông báo nhiều lần nhưng bà D, ông C vẫn không thực hiện việc trả nợ là bà D, ông C đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Yêu cầu của bà G về việc buộc bà D, ông C thanh toán số tiền gốc 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền hui tranh chấp là 340.500.000 đồng, nguyên đơn xác định đã chuyển khoản tiền đóng hui cho bị đơn bà D qua tài khoản 5504205078826, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam của bà D, trong đó, nguyên đơn xác định số tiền 340.500.000 đồng là tiền nguyên đơn đóng 03 dây hui nguyên đơn tranh chấp, số tiền còn lại 134.570.000 đồng là tiền nguyên đơn đóng hui chết cho bà D. Văn bản số 21/NHN₀.DT-TH ngày 12/12/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã xác định số tài khoản 5504205078826 là của bà Nguyễn Thị Mỹ D và cung cấp bản sao kê thể hiện giao dịch của số tài khoản 5504205078826 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 29/11/2024. Qua đối chiếu nội dung sao kê tài khoản của các đương sự thấy rằng từ ngày từ ngày 01/01/2023 đến ngày 29/11/2024, nguyên đơn bà G thông qua tài khoản của bà Nhung đã chuyển khoản cho bị đơn bà D tổng số tiền: 475.400.000 đồng, nội dung đều thể hiện việc chuyển tiền hui. Cùng với các hình ảnh giấy hui mà nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của nguyên đơn, có căn cứ xác định nguyên đơn có tham gia chơi hui với bị đơn bà D và có đóng tiền hui cho bà D thông qua chuyển khoản tổng số tiền 340.500.000 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn đối với bà D về việ tranh chấp tiền hui là có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470, 471 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Hồng G đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hui”.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Thạch Thị Hồng G tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm thanh toán cho bà Thạch Thị Hồng G tổng số tiền hụi là 340.500.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Thạch Thị Hồng G đối với ông Đoàn Duy C đối với số tiền hụi 340.500.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C phải liên đới chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 17.025.000 đồng (mười bảy triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Thạch Thị Hồng G số tiền 16.810.000 đồng (mười sáu triệu tám trăm mười ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà G đã nộp theo hai biên lai thu số 0000580 ngày 08 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/02/2025).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Tuyên